

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2018

V/v Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**

2. Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim Y** - Sinh năm 198x. Địa chỉ: Tổ a, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phan Văn Đ** - Sinh năm 197x. Nơi cư trú cuối cùng: Tổ a, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 15 tháng 8 năm 2018, Bản tự khai ngày 27 tháng 9 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phan Văn Đ chung sống với nhau từ năm 2000, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ a, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên ông

Đ đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2014 cho đến nay. Ông Đ đi đâu tôi không biết, cũng như không có tin tức gì của ông Đ. Nên vào năm 2017 tôi đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đ mất tích, đã được Tòa án ra Quyết định số 14/2017/DS-ST ngày 09.11.2017 nhưng đến nay cũng không có tin tức gì của ông Đ. Nay thời gian quá lâu, tình nghĩa vợ chồng không còn, ông Đ hiện nay đi đâu làm gì tôi không rõ, bản thân xác định không còn tình cảm với ông Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phan Văn Đ.

- Về con chung: Tôi và ông Đ có 03 con chung: Phan Thị Thu Đ - sinh ngày 16/01/2000; Phan Thị Thu N - sinh ngày 07/7/2003 và Phan Tuấn M - sinh ngày 28/6/2015.

Ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi 02 con chung Phan Thị Thu N và Phan Tuấn M, tôi không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Phan Thị Thu Đ - sinh ngày 16/01/2000 đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn Đ có nơi cư trú cuối cùng là tổ a, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng nhưng không còn cư trú tại địa phương. Bà Nguyễn Thị Kim Y đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người mất tích đối với ông Phan Văn Đ theo đúng theo quy định tại Điều 389 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án. Mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng ông Đ vắng mặt, tại phiên toà ông Phan Văn Đ đã vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đ Nẵng phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Văn Đ vắng mặt là đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim Y đối với ông Phan Văn Đ.

+ Về con chung: Giao 02 con chung Phan Thị Thu N - sinh ngày 07/7/2003 và Phan Tuấn M - sinh ngày 28/6/2015 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Con chung Phan Thị Thu Đ - sinh ngày 16/01/2000 đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Phan Văn Đ nhưng tại phiên tòa ông Đ vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim Y giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đ Nẵng giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Phan Văn Đ sống chung với nhau từ năm 2000, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đ Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa bà Y và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn nên ông Đ đã bỏ nhà đi từ năm 2014 cho đến nay. Bà Y đã dùng các biện pháp tìm kiếm nhưng không được, nên vào năm 2017 bà Y có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đ mất tích. Ngày 09/11/2017 Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu ra Quyết định số 14/2017/QĐDS-ST tuyên bố ông Phan Văn Đ mất tích. Như vậy từ năm 2014 đến nay, ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim Y đã không sống chung với nhau. Qua xác minh thể hiện trước khi ông Đ bỏ đi khỏi địa phương vào năm 2014 giữa bà Y và ông Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn là đúng và hiện nay ông Đ đi đâu chính quyền địa phương cũng không biết. Bà Y xác định không còn tình cảm với ông Đ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Phan Văn Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Kim Y yêu cầu Tòa án giải quyết

cho ly hôn ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Phan Văn Đ có 03 con chung: Phan Thị Thu Đ - sinh ngày 16/01/2000; Phan Thị Thu N - sinh ngày 07/7/2003 và Phan Tuấn M - sinh ngày 28/6/2015.

Bà Y có nguyện vọng nuôi 02 con chung Phan Thị Thu N và Phan Tuấn M, bà Y không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Phan Thị Thu Đ - sinh ngày 16/01/2000 đã thành niên nên không đề cập Tòa án giải quyết.

Xét hiện nay 02 con chung Phan Thị Thu N và Phan Tuấn M đang sinh sống ổn định cùng với bà Y. Ông Đ hiện nay đi khỏi địa phương không rõ đi đâu, các con chung thể hiện nguyện vọng được ở với bà Y. Nên Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 con chung Phan Thị Thu N và Phan Tuấn M cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Y không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y xác định giữa bà và ông Phan Văn Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Kim Y** đối với ông **Phan Văn Đ** về việc tranh chấp “ly hôn”.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với ông Phan Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung Phan Thị Thu N - sinh ngày 07/7/2003 và Phan Tuấn M - sinh ngày 28/6/2015 cho bà Nguyễn Thị Kim Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phan Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Phan Thị Thu Đ - sinh ngày 16/01/2000 đã thành niên nên không đề cập Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2003 quyền số 01 do UBND phường H (nay là UBND phường H), quận Liên Chiểu, thành phố Đ Nẵng cấp ngày 13/5/2006 hết hiệu lực.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không có

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) bà Y đã nộp tại biên lai thu số 0003178 ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà Y đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Phan Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND P. Hòa Khánh Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM THANH HÙNG